

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THƯỜNG TÍN  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 109/2020/QĐST - HNGĐ

Th- ờng Tín, ngày 18 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 116/2020/TLST/HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2020 giữa:

Nguyên đơn: Chị Trịnh Thị S, sinh năm 1995

Địa chỉ: thôn Khê Hôi, xã Hà Hôi, huyện Thường Tín, TP Hà Nội.

Bị đơn: Anh Lê Quang V, sinh năm 1989

Địa chỉ: thôn Khê Hôi, xã Hà Hôi, huyện Thường Tín, TP Hà Nội.

Căn cứ vào các Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc các đ- ơng sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận đ- ợc với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 116/2020/TLST/HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2020.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đ- ơng sự đ- ợc ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 10 tháng 6 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đ- ơng sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Chị Trịnh Thị S và anh Lê Quang V.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đ- ơng sự cụ thể nh- sau:

- Về quan hệ vợ chồng: Chị Trịnh Thị S và anh Lê Quang V thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Chị Trịnh Thị S và anh Lê Quang V có một con chung là cháu Lê Hải Đăng, sinh ngày 06/02/2018. Chị S, anh V thỏa thuận chị S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Lê Hải Đăng cho đến khi trưởng thành. Anh V cấp dưỡng nuôi con chung với chị S số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng/tháng kể từ tháng 6/2020 cho đến khi cháu Đăng đủ 18 tuổi. Anh V có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị Trịnh Thị S tự nguyện nộp toàn bộ 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng tiền án phí cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng đ-ợc trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng chị S đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2018/0012304 ngày 28/5/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Th-ờng Tín.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi đ-ợc ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- TAND TP.Hà Nội
- VKSND huyện
- Chi cục Thi hành án.
- Các đ-ơng sự.
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng ký kết hôn
- L- u hồ sơ

**THẨM PHÁN**

**Đoàn Lan Hương**